TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn" giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nông Thị B**, sinh năm 1987;

- **Bị đơn:** Anh **Dương Văn D,** sinh năm 1985,

Cùng địa chỉ: Thôn N, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu. Miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị B và anh Dương Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị B và anh Dương Văn D thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Khi ly hôn, chị Nông Thị B có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Mộc K - sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013 kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Dương Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

** Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Dương Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Dương Mộc K cho chị Nông Thị B với mức 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ hàng tháng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

** Về tài sản chung:* Chị Nông Thị B và anh Dương Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Chị Nông Thị B và anh Dương Văn D không có nợ chung.

** Về án phí:* Nguyên đơn chị Nông Thị B tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị B đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001964 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận chị Nông Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01);
- VKSNDKV6 - Thái Nguyên (02);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01)
(Gửi qua phòng THADS khu vực 6 – Thái Nguyên);
- UBND xã Nà Phặc,
tỉnh Thái Nguyên (nơi ĐKKH) (01);
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lường Thị Thu Hòa